

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 04 - 2026

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cầm Ngọc Thương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Quốc Toàn

2. Bà Bùi Thị Mai Hòa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Sơn La;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thanh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 258/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Cà Thị T, sinh ngày 26/01/2003. Số căn cước công dân: 014303002521. Nơi cư trú: Bản N N, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Hà Văn M, sinh ngày 21/06/2001. Số căn cước công dân: 01420102647. Nơi cư trú: Bản L, xã Chiềng Mung, tỉnh Sơn La. Có ý kiến xin được xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 02 năm 2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cà Thị T trình bày như sau:

Chị và anh Hà Văn M kết hôn với nhau từ năm 2022 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Ngần, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (nay là phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La) theo quy định và đã

được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/6/2022. Nhưng chưa được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi đăng ký song anh chị chung sống được mấy ngày thì xảy ra mâu thuẫn, do anh chị tính cách không hợp. Vì vậy chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Chiềng Ngần, thành phố Sơn La sinh sống và anh chị cũng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, trong thời gian ly thân anh chị cũng không quan tâm hỏi han gì nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng với anh M đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Văn M.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị tại phiên tòa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đến địa phương nơi cư trú của anh Hà Văn M để thực hiện tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng. Do anh M thường xuyên không có mặt tại địa phương nơi cư trú nên Tòa án đã niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên công khai tài liệu chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh M. Anh M có ý kiến xin được xét xử vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng của chị Cà Thị T và anh Hà Văn M với ông Tòng Văn Phóng (Trưởng bản – bí thư Chi bộ bản L, xã Chiềng Mung, tỉnh Sơn La) và bà Hà Thị Xoan và ông Hà Văn Mẫn (bố mẹ đẻ của anh Hà Văn M). Ông Phóng, bà Xoan và ông Mẫn đều xác nhận chị Cà Thị T và anh Hà Văn M tự nguyện kết hôn và có đăng ký theo đúng quy định của pháp luật nhưng chưa được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán; sau khi đăng ký song chị T xuống nhà anh M sinh sống được mấy ngày thì bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Chiềng Ngần thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (Nay là phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La) và từ đó không xuống nữa và anh chị cũng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Chị T, anh M không có con chung bà Xoan (mẹ đẻ anh Hà Văn M) đã cung cấp số điện thoại 0346672606 xác nhận là của anh M. Tòa án đã ghi ý kiến của anh M (có sự chứng kiến của bà Hà Thị Xoan, ông Hà Văn Mẫn là bố mẹ đẻ anh M và ông Phóng - đại diện chính quyền bản L); anh M trình bày: Anh M xác nhận anh và chị T là vợ chồng hợp pháp, anh chị đã đi đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng anh chị chưa được tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương, khi đăng ký song hai vợ chồng chung sống cùng nhau được mấy ngày ở nhà anh thì chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và không xuống nhà anh nữa và anh chị cũng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay

chị T có đơn xin ly hôn anh hoàn toàn đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh và chị T cũng chưa có con chung. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng anh M xác nhận không có; anh M xin được vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như xét xử của Tòa án do công việc nên anh không về để giải quyết vụ án được.

Tại đơn xin vắng mặt của chị Cà Thị T: Chị T giữ nguyên nguyện vọng xin ly hôn và các yêu cầu khác theo ý kiến đã trình bày tại Tòa án.

Do anh M không có mặt để giải quyết vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Sau khi chủ tọa công bố đơn xin xét xử vắng mặt của chị Cà Thị T, lý do vắng mặt của anh Hà Văn M và công bố tóm tắt nội dung vụ án, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 147, 266, 271, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử theo hướng:

- + Về hôn nhân: Xử cho chị Cà Thị T được ly hôn với anh Hà Văn M.

- + Về con chung: Không có.

- + Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị T và anh M đều xác nhận không có tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cần chấp nhận.

+ Về án phí: Chị Cà Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của chị Cà Thị T về việc xin ly hôn với anh Hà Văn M. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề liên quan đến quan hệ hôn nhân. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án thì Tòa án nhân dân khu vực 4 - Sơn La thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với các đương sự trong vụ án. Tuy nhiên, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn có ý kiến xin được vắng mặt. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Cà Thị T và anh Hà Văn M tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2022, anh chị đã được UBND xã Chiềng Ngần, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (nay là phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/06/2022. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chung chung sống cùng nhau được mấy ngày thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai anh chị tính cách không hợp. Hai anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai anh chị không thể tiếp tục chung sống nên có nguyện vọng xin ly hôn với anh Hà Văn M; anh M nhất trí ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy chị T và anh M đã sống ly thân trong thời gian dài, không còn tình cảm với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ly hôn giữa chị Cà Thị T và anh Hà Văn M.

[2.2] *Về con chung*: Chị T và anh M đều xác định anh chị chưa có con chung trong thời gian hôn nhân. Qua xác minh cũng xác định nội dung này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng*: Chị T, anh M đều xác nhận không có tài sản chung và nợ chung vợ chồng trong thời gian hôn nhân. Qua xác minh cũng xác định nội dung này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về án phí*:

Yêu cầu ly hôn của chị Cà Thị T được chấp nhận và chị T không thuộc các trường hợp được miễn, giảm án phí nên căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 147, 266, 271, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án;

- Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Cà Thị T và anh Hà Văn M.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không có.

4. Về án phí: Chị Cà Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000205 ngày 24 tháng 02 năm 2026 tại Phòng thi hành án Dân sự khu vực 4 - Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND KV4 – Sơn La;
- Phòng THADS KV4 – Sơn La;
- UBND phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cầm Ngọc Thương